TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2022
"*V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Danh On**
2/ Ông **Lê Văn Thuyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà **Lê Huyền Mao** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 166/2021/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1967
Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
Chổ ở hiện nay: Ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.
Bị đơn: Ông **Kiều Hoàng E**, sinh năm 1958
Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
(Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Bà P và ông E có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện vào năm 1996 nhưng đến ngày 21/11/2002 thì bà P và ông E mới tiến hành đăng ký kết hôn với nhau theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi đám cưới vợ chồng bà P, ông E chung sống hạnh phúc được khoảng 01 – 02 năm đầu, sau đó thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẩn, ông E thường hay nhậu nhẹt và xảy ra cãi vã với bà P. Đến năm 1998 trong một lần cự cãi về chuyện tiền bạc ông E đánh bà P vỡ đầu nhưng bà P vẫn cố gắng sống chung với ông E. Đến năm 2007, bà P chịu đựng không nổi cuộc sống hôn nhân với ông E nên bà có nộp đơn ra Tòa án nhân dân huyện H để xin ly hôn với ông E nhưng ông E không đồng ý ly hôn với bà P, sau đó bà P đã rút đơn lại. Sau khi rút đơn xin ly hôn vào năm

2007 thì bà P sống ly thân với ông E khoảng 01 năm (*ly thân từ năm 2007 đến năm 2008*). Thời điểm bà P ly thân với ông E vào khoảng năm 2007 – 2008, thì đứa con trai lớn của vợ chồng bà P, ông E là cháu T, sinh ngày 24/01/1998 sống chung với ông E, khi ly thân ông E không cho bà P dẫn con theo. Trong khoảng thời gian bà P ly thân với ông E từ năm 2007 đến năm 2008 thì ông E có khuyên bà P quay về sống chung với ông E, vì thương con nên bà P chấp nhận quay lại sống chung với ông E đến nay. Tuy nhiên sau khi bà P quay về sống chung với ông E thì vợ chồng cũng thường xuyên cự cãi. Gần đây nhất là ngày 23/9/2021 trong lúc nhậu say ông E cự cãi với bà P và dùng ghế đánh vào đầu bà P làm chảy nhiều máu, bà P phải đến trạm y tế xã N để rửa vết thương. Qua ngày hôm sau là ngày 24/9/2021 bà P và đứa con nhỏ của vợ chồng là cháu C phải lánh về nhà cha mẹ ruột của bà P ở ấp H, thị trấn P, huyện P ở đến nay mà không dám về nhà. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng bà P, ông E không có tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng mà ông E còn nhiều lần nhắn tin hâm dọa, đòi giết bà P và còn đòi đốt nhà cha mẹ ruột của bà P làm cho bà P cảm thấy rất lo sợ. Nay bà P nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông Kiều Hoàng E được nữa nên bà P xin được ly hôn với ông E.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà P, ông E có với nhau 02 người con chung là cháu T, sinh ngày 24/01/1998 và cháu C, sinh ngày 20/7/2004. Đối với cháu T đã trưởng thành nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu C hiện tại đang sống cùng với bà P từ khi vợ chồng bà P ly thân đến nay. Khi ly hôn bà P xin được quyền nuôi cháu C, không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà P không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn ông Kiều Hoàng E: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có xuống địa phương để tống đạt các văn bản tố tụng cũng như làm việc với ông Kiều Hoàng E tuy nhiên ông E cho rằng sự việc gia đình của ông phải được chính quyền ấp, xã giải quyết trước rồi mới đến Tòa án. Do chính quyền ấp, xã chưa giải quyết nên ông E không đồng ý cho Tòa án làm việc với ông và ông cũng không đồng ý nhận bất cứ văn bản nào của Tòa án. Mặc dù đã được Thẩm phán cũng như cán bộ địa phương nơi ông E sinh sống vận động, giải thích theo quy định của pháp luật thì tranh chấp hôn nhân và gia đình không bắt buộc phải qua hòa giải ở ấp, xã nhưng ông E vẫn không đồng ý cho Tòa án tiến hành làm việc với ông. Do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông E đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của bà P.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Kiều Hoàng E chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị P được ly hôn với ông Kiều Hoàng E.

+ Về con chung: Ghi nhận nguyện vọng của cháu C, sinh ngày 20/7/2004 muốn được sống chung với mẹ là bà Lê Thị P khi cha mẹ ly hôn. Tiếp tục giao cháu C, sinh ngày 20/7/2004 cho bà P chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông E có quyền tới lui thăm

nom con chung không ai được quyền cản trở. Ông E không phải cấp dưỡng nuôi con do bà P không yêu cầu.

+ Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị P khởi kiện xin ly hôn và nuôi con với bị đơn ông Kiều Hoàng E. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp L, xã N, huyện H nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt; Bị đơn ông Kiều Hoàng E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà P và ông E căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

- *Về nội dung vụ án:*

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị P và ông Kiều Hoàng E, thấy rằng: Bà P và ông E có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 21/11/2002 nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà P trình bày sau khi đám cưới vợ chồng bà P, ông E chung sống hạnh phúc được khoảng 01 – 02 năm đầu, sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, ông E thường hay nhậu nhẹt và xảy ra cãi vã với bà P. Quá trình chung sống ông E nhiều lần đánh đập bà P gây thương tích. Trước đây vào năm 2007 bà P đã có nộp đơn xin ly hôn với ông E nhưng sau đó bà P rút đơn lại và quay về sống chung với ông E vì thương con còn nhỏ, sau khi quay về sống chung với ông E thì vợ chồng vẫn thường xuyên cự cãi và đến ngày 23/9/2021 trong lúc nhậu say ông E lại cự cãi với bà P và dùng ghế đánh vào đầu bà P làm chảy nhiều máu, bà P phải đến trạm y tế xã Ninh Quới A để rửa vết thương. Qua ngày hôm sau là ngày 24/9/2021 thì bà P và đứa con nhỏ của vợ chồng là cháu C phải lánh về nhà cha mẹ ruột của bà P ở ấp Hành Chính, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long ở đến nay. Từ khi ly thân đến nay bà P và ông E không có tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng mà ông E còn nhiều lần nhắn tin hâm dọa, đòi giết bà P và còn đòi đốt nhà cha mẹ ruột của bà P làm cho bà P cảm thấy rất lo sợ. Nay bà P nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông Kiều Hoàng E được nữa nên bà P xin được ly hôn với ông E.

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Kiều Hoàng E, tuy nhiên qua xác minh đối với ông Nguyễn Ngọc N là trưởng ấp L, xã N thì được ông N cho biết giữa bà P và ông E khi còn sống chung tại địa phương thường xuyên xảy ra cãi nhau, ông E hay nhậu nhẹt và nhiều lần đánh bà P. Đồng thời cả hai đã không còn sống chung với nhau nhiều tháng nay. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà P và ông E đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được,

đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị P, cho bà P được ly hôn với ông Kiều Hoàng E.

[4] Về quan hệ con chung: Bà P xác định quá trình chung sống vợ chồng bà P, ông E có với nhau 02 người con chung là cháu T, sinh ngày 24/01/1998 và cháu C, sinh ngày 20/7/2004. Đối với cháu T đã trưởng thành nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu C hiện tại đang sống cùng với bà P từ khi vợ chồng bà P ly thân đến nay. Khi ly hôn bà P xin được quyền nuôi cháu C, không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con. Mặc khác, qua xác minh chính quyền địa phương là ông Nguyễn Ngọc N - Trưởng ấp L, xã N thì được ông N cho biết vợ chồng bà P, ông E có với nhau hai người con chung đều là con trai nhưng ông Nhỏ không rõ họ tên các con của vợ chồng ông E, bà P. Đối với người con trai lớn đã trưởng thành, còn người con trai nhỏ hiện tại đang sống cùng với bà P từ khi vợ chồng bà P, ông E ly thân đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi bà P và ông E ly thân đến nay thì người con nhỏ của vợ chồng bà P, ông E là cháu C sống cùng với bà P. Đồng thời qua ghi nhận ý kiến của cháu C thì cháu C có nguyện vọng muốn được sống cùng với bà P khi cha mẹ ly hôn. Do đó cần ghi nhận nguyện vọng của cháu C, tiếp tục giao cháu C cho bà P chăm sóc, nuôi dưỡng khi vợ chồng bà P, ông E ly hôn. Ông E có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Ông E không phải cấp dưỡng nuôi con do bà P không yêu cầu.

[5] Về quan hệ tài sản: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Buộc bà Lê Thị P phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Ông Kiều Hoàng E không phải chịu án phí.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị P. Cho bà Lê Thị P được ly hôn với ông Kiều Hoàng E.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận nguyện vọng của cháu C, sinh ngày 20/7/2004 muốn được sống cùng với bà Lê Thị P khi vợ chồng bà P, ông E ly hôn.

Tiếp tục giao cháu C, sinh ngày 20/7/2004 cho bà Lê Thị P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi vợ chồng ly hôn.

Ông Kiều Hoàng E không phải cấp dưỡng nuôi con do bà P không yêu cầu. Ông Kiều Hoàng E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Bà Lê Thị P không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Lê Thị P phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch số tiền là 300.000 đồng. Bà P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 0005899 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện H (2b);
- CC.THADS huyện H (1b);
- UBND xã N (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh